**Phân tích bài thơ đồng chí mẫu 3**

Trong bài thơ “Tuổi 25” Tố Hữu đã từng viết:

“Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí
Sống chẳng cúi đầu, chết vẫn ung dung
Giặc muốn ta nô lệ, ta lại hóa anh hùng
Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo”

Văn chương giống như một cây bút đa màu, nó vẽ lên bức tranh cuộc sống bằng những gam màu hiện thực. Người nghệ sĩ đã dùng cả trái tim của mình để “hút nhụy đời” tưới tắm cho những cánh đồng văn học. Ở cánh đồng ấy, có một khoảng trời dành riêng cho văn học cách mạng, văn học của hiện thực tàn khốc mà cũng đẹp đẽ vô cùng. Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi là hình ảnh cao quý và đẹp đẽ nhất. Hình ảnh ấy đã đi vào lòng người và văn chương vơi tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính Cụ Hồ là bài thơ Đồng chí của Chính Hữu. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng cũng như sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ Đồng Chí, Chính Hữu đã diễn tả một cách sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của những anh bộ đội thời kháng chiến.

Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô. Với nhịp điệu trầm lắng mà như ấm áp, tươi vui; ngôn ngữ bình dị đời thường dường như đã trở thành những vần thơ của niềm tin yêu, sự hi vọng, lòng cảm thong sâu sắc của một người chiến sĩ cách mạng làm thơ. Trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian lao, lẽ đương nhiên, hình ảnh những người lính, những anh bộ đội sẽ trở thành linh hồn của cuộc kháng chiến, trở thành niềm tin yêu và hy vọng của cả dân tộc.

Ngòi bút tài hoa của Chính Hữu cùng với những câu thơ tự do, giọng thủ thỉ tâm tình, ngôn ngữ giản dị, một cách tự nhiên Chính Hữu đã từ từ dẫn người đọc đến với cơ sở hình thành tình đồng chí:

“Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

Giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là những người con của những vùng quê nghèo, là những người nông dân nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, dù cho nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của người dân làng quê Việt Nam.

Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bệ phóng cho tình đồng chí?

“Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”

Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, chia sẻ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nông dân chân nấm tay bùn. Nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả. Những người từ mọi phương trời tập hợp lại trong hàng ngủ quân đội cách mạng và chính nhờ cơ sở của sự đồng cảm giai cấp, cùng chung cảnh ngộ cho nên họ đã dễ dàng thân quen với nhau. Nhà thơ Hồng Nguyên trong bài thơ “Nhớ” của mình cũng thể hiện tình cảm này:

“Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ
Gặp nhau hòi chưa biết chữ
Quen nhau từ buổi một hai
Súng bắn chưa quen quân sự mươi bài
Lòng vẫn cười vui kháng chiến”

Những người xa lạ gặp nhau thân quen nhau tạo nên tình đồng chí. trước hết phải nói tình đồng chí được nảy sinh từ sự cùng chung nhiệm vụ sát cánh bên nhau trong chiến đấu.

Có lẽ chung cuộc sống chiến đấu gian khổ bên chiến hào vì độc lập tự do của dân tộc, đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”

“Súng bên súng” là cách nói hàm súc, hình tượng: cùng chung lí tưởng chiến đấu; “anh với tôi” cùng ra trận đánh giặc để bảo vệ đất nước quê hương, vì độc lập, tự do và sự sống còn của dân tộc. “Đầu sát bên đầu” là hình ảnh diễn tả ý hợp tâm đầu của đôi bạn tâm giao. Câu thơ “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ” là câu thơ hay và cảm động, đầy ắp kỉ niệm một thời gian khổ. Chia ngọt sẻ bùi mới “thành đôi tri kỉ”. “Đôi tri ki” là đôi bạn rất thân, biết bạn như biết mình. Bạn chiến đấu thành tri kỉ, về sau trở thành đồng chí! Câu thơ 7, 8 từ đột ngột rút ngắn lại hai từ “đồng chí” làm diễn tả niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạn đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lí tưởng chiến đấu của những người binh nhì vốn là những trai cày giàu lòng yêu nước ra trận đánh giặc.

Điều gì khiến cho những chàng trai quanh năm chỉ quen tay cày tay cuốc ấy đã hăng say lên đường cầm súng chiến đấu? Điều gì khiến những chiếc xe không kính ngày đêm lao đi trong mưa bom bão đạn? Điều gì khiến những cô gái vốn yếu mềm có thể hiên ngang chạm vào cái chết vô hình từ những quả bom? Đó chính là lòng chung thủy với quê hương, với mảnh ruộng nhà mình, với vợ con của mình:

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay”

Nhà phê bình Nguyễn Đức Quyền đã nhận xét: Ở ngoài mặt trận mà biết gió lay từng gốc cột ngôi nhà mình ở thì thật không còn từ ngữ nào để diễn tả hết tình cảm thiết tha của họ đối với gia đình mình. Thế đó, ai mà không mong muốn được sống yên vui, hạnh phúc trong mái ấm gia đình? Nhưng vì nghĩa lớn, họ ra đi không tiếc đời mình, bỏ lại sau lưng tất cả những gì thân yêu nhất. Cũng như vậy, ở ngoài mặt trận mà biết “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” chứng tỏ họ đang nhớ quê hương, nhớ người mình thương biết nhường nào! Mối giao cảm đậm đà sâu sắc ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho người lính trên những chặng đường chiến đấu.

Không chỉ thấu hiểu, cảm thông, các anh còn sẻ chia những thiếu thốn, gian lao và niềm vui bên chiến hào chiến đấu:

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Đoạn thơ với bút pháp hiện thực, hình ảnh sóng đôi đối xứng “anh – tôi”, “áo anh – quần tôi” tạo được sự gắn kết của những người đồng chí luôn kề vai sát cánh, đồng cam cộng khổ bên nhau. Trong thiếu thốn, các anh đã cùng chia sẻ ốm đau bệnh tật, cũng trải qua những cơn sốt rét rừng ghê gớm, cùng chia sẻ những thiếu thốn về vật chất, bằng niềm lạc quan “miệng cười buốt giá”, bằng tình yêu thương gắn bó “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Khó khăn là vậy, khắc nghiệt là thế, hiện thực của chiến tranh với những cơn sốt rét rừng đã được rất nhiều nhà thơ miêu tả lại trong những trang viết của mình:

“Nơi thuốc súng trộn vào áo trận
Cơn sốt rừng đi dọc tuổi thanh xuân”
(Nguyễn Đức Mậu)

Ấy vậy mà các chiến sĩ của ta vẫn lạc quan, vẫn tin tưởng, không chùn bước trước bất cứ điều gì. Hình ảnh “miệng cười buốt giá” gợi nụ cười lạc quan bừng lên trong giá lạnh xua tan đi sự khắc nghiệt của chiến trường. Các anh nắm tay nhau để chuyền cho nhau hơi ấm, để động viên nhau vượt qua khó khăn gian khổ. Thật hiếm khi thấy cái bắt tay nào nồng hậu đến vậy!

Chính Hữu bằng những nét vẻ giản dị mộc mạc đã vẽ lên bức tranh tuyệt đẹp ngay giữa một hoàn cảnh đầy khắc nghiệt: bức tranh người lính đứng gác giữa núi rừng biên giới trong đêm khuya:

“Đêm nay rừng hoang sương muốI
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.”

Ba câu thơ mà nói được rất nhiều điều. Đó là hoàn cảnh chuẩn bị chiến đấu – đặc điểm không gian và thời gian: đêm nay– rừng hoang – sương muối. Đó là tình đồng chí keo sơn trong gian khổ, là tinh thần sẵn sàng vào trận: “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”. Đó là tâm hồn đầy chất thơ của anh Vệ quốc quân và ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu của chúng ta: “đầu súng trăng treo”. Đêm nay cũng như bao đêm khác, các anh phục kích chờ giặc, chuẩn bị cho trận đánh giành thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947, một đêm đã đi vào lịch sử khiến người lính không thể nào quên. Các anh phục kích chủ động chờ giặc trong hoàn cảnh đầy khắc nghiệt: “rừng hoang sương muối” “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”. Các anh chờ giặc tới là chờ giây phút hồi hộp căng thẳng khi ranh giới của sự sống cái chết rất mong manh. Từ “chờ” đã thể hiện được tư thế chủ động của người lính trong đêm phục kích cũng là tư thế chủ động của toàn dân ta sau chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947.

Đọc thơ Chính Hữu ta như cảm thấy hơi ấm đang toả ra khắp cơ thể, khắp không gian. Hơi ấm ấy phải chăng được bắt nguồn từ cảm xúc chân thành, mộc mạc, giản dị trong lời thơ Chính Hữu. Câu thơ cuối tuy đã khép lại tác phẩm nhưng với em nó mãi là dư âm không bao giờ cạn:

“Đầu súng trăng treo”

Câu thơ vừa thực vừa ảo cho ta nhiều cảm xúc mới mẻ. Khoảng cách giữa bầu trời và mặt đất, giữa con người và thiên nhiên đã được xích lại gần gũi hơn bởi một từ treo. Đó là sự kết hợp giữa bút pháp tả thực và lãng mạn vừa xa vừa gần. Phải chăng câu thơ là ước muốn, là hi vọng của Chính Hữu – người lính Cụ Hồ về một cuộc sống hoà bình, tươi đẹp? Sau đêm nay, sau giờ phút căng thẳng, lạnh buốt này sẽ là một sớm mai ấm áp với ánh bình minh sáng ngời Người chiến sĩ, với nhiệm vụ đã thành người thi sĩ với bao cảm hứng dạt dào. Hình ảnh cây súng trong bài thơ Đồng chí khiến ta chợt nhớ đến sông Mã, Tây Tiến trong câu thơ của Quang Dũng:

“Heo hút cồn mây, súng ngửi trời”

Đáng trọng và đáng quí làm sao khi trong thời máu lửa oai hùng đó vẫn có những vần thơ thật hay, thật đẹp và thú vị đến thế!

Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhịp điệu câu thơ, bài thơ đã khắc họa, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá đáng quý của anh bộ đội cụ Hồ, của tình đồng chí đồng đội bền chặt keo sơn, hòa nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng của văn học thời chống Pháp. Nhà văn Nga Ê ren-bua đã viết: Tình yêu nước bắt đầu từ lòng yêu những gì bình thường nhất. Yêu cái cây trồng trước ngõ, yêu lối nhỏ đổ ra bờ sông, yêu con sống đổ về biển cả… Vâng, tình yêu của người lính cụ Hồ cũng bắt nguồn từ những gì mộc mạc, chân chất, gần gũi nhất. Yêu ngôi nhà, yêu mảnh vườn, gốc đa, giếng nước, yêu con người… Đó chính là tình yêu Tổ quốc!

Lịch sử đã sang trang mới nhưng có lẽ hình ảnh những người nông dân mặc áo lính vẫn sống mãi trong lòng thế hệ mai sau. Vẻ đẹp của các anh, tinh thần của các anh sẽ chẳng thế bị bụi thời gian cuốn đi mất:

“Nếu được làm hạt giống để mùa sau
Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa
Vui gì hơn làm người lính đi đầu
Trong đêm tối, tim ta làm ngọn lửa”